

Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản biển đảo Phú Yên

Sustainable tourism development associated with conservation and promote the value of Phu Yen marine heritage

> TS.KTS NGUYỄN QUỐC TUÂN

Chủ nhiệm khoa Kiến trúc - Công trình, Trường Đại học Phương Đông
Email: tuan@phuongdong.edu.vn

TÓM TẮT:

Việt Nam có đường bờ biển dài trên 3.260km với nhiều cảnh quan, bãi biển đẹp. 70% khu, điểm du lịch trong nước được phân bố ở khu vực ven biển, thu hút đến 65% lượng khách du lịch. Thu nhập từ hoạt động du lịch biển chiếm tỷ trọng cao trong thu nhập du lịch Việt Nam. Vùng ven biển hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú, tập trung nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên, song chưa được đầu tư khai thác và phát huy tương xứng.

Phú Yên và vùng duyên hải Nam Trung Bộ là khu vực tập trung nhiều di sản vật thể và phi vật thể được hình thành từ văn hóa cư trú và không gian sinh tồn gắn với biển của các thế hệ người Việt. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vùng biển, đảo gắn liền với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững các đô thị biển là yêu cầu cấp thiết. Bài viết bước đầu đánh giá giá trị di sản biển đảo, xác định các điểm mạnh, cơ hội, thách thức trong phát triển bền vững, từ đó đề xuất một số định hướng phát triển du lịch biển đảo gắn với phát triển đô thị và bảo tồn di sản ở Phú Yên và vùng lân cận.

Từ khóa: Phú Yên; bảo tồn; di sản biển đảo; du lịch; phát triển bền vững.

ABSTRACT:

Vietnam has a coastline of over 3,260km with many beautiful landscapes and beaches. 70% of domestic tourist sites and attractions are distributed in coastal areas, attracting 65% of tourists. Income from marine tourism accounts for a high proportion of Vietnam's tourism income. The coastal area has many favorable conditions with diverse and rich natural resources, many cultural and natural heritages are concentrated, but it has not been invested in exploiting and promoting commensurately.

Phu Yen and the South Central Coast are the areas where many tangible and intangible heritages are concentrated, formed from the resident culture and living space associated with the sea of generations of Vietnamese people. Preserving and promoting the value of cultural heritages of sea and islands associated with the goal of promoting socio-economic development and sustainable development of coastal cities is an urgent requirement. The article initially assesses the value of marine heritage, identifies strengths, opportunities and challenges in sustainable development, thereby proposing some orientations for developing marine tourism associated with urban development and conservation of heritage in Phu Yen and its surrounding areas.

Keywords: Phu Yen; conservation; sea and island heritage; tourism; sustainable development.

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam có đường bờ biển dài trên 3.260km, với nhiều cảnh quan, bãi biển đẹp, cùng 2.773 hòn đảo lớn nhỏ ven bờ, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam cũng sở hữu nhiều vịnh đẹp đẳng cấp quốc tế. Số liệu thống kê năm 2016 cho thấy có tới 70% khu, điểm du lịch trong nước được phân bố ở khu vực ven biển, thu hút hơn 70 % lượng khách du lịch quốc tế [1]. Vùng ven biển hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch, bởi ở đây tập trung nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên đã được UNESCO công nhận; các khu dự trữ sinh quyển; vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên; di tích lịch sử - văn hoá; các di sản định cư

làng biển... Tuy vậy, hiện nay, nhiều tiềm năng đặc sắc của du lịch biển đảo chưa được đầu tư khai thác tương xứng.

Tài nguyên du lịch biển đảo có tính chất đặc thù gắn liền với khu vực biển đảo, tồn tại dưới hai dạng chính: 1/tài nguyên du lịch tự nhiên (địa hình, sinh thái biển, hệ thực vật và động vật, bãi biển, thủy triều, địa chất...), và; 2/tài nguyên du lịch nhân văn (di tích lịch sử văn hóa, giá trị văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghề truyền thống...). Đây là hai nhóm tài nguyên quan trọng có sức hấp dẫn với du khách yêu thích du lịch biển đảo. Phú Yên và vùng duyên hải Nam Trung Bộ là khu vực tập trung nhiều di sản vật thể và phi vật thể được hình thành từ văn hóa cư trú và không gian sinh tồn gắn với biển của lớp lớp thế hệ người Việt. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vùng

biển, đảo gắn liền với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững các đô thị biển là yêu cầu cấp thiết, đáp ứng mục tiêu đổi mới, hội nhập và phát triển của tỉnh Phú Yên và các địa phương lân cận có thể mạnh về du lịch biển.

Phát triển bền vững là yêu cầu quan trọng trong đánh giá kết quả tăng trưởng của nhiều quốc gia, lĩnh vực. Cần chỉ ra được điểm mạnh, cơ hội, thách thức trong phát triển bền vững du lịch biển, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển du lịch biển đảo gắn với bảo tồn di sản, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở Phú Yên và vùng lân cận - khu vực đang đứng trước cơ hội phát triển lớn chưa từng có, đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức chưa từng có. Do đó, cần có những nghiên cứu dài hạn và sâu kỹ để lựa chọn được mô hình phát triển đúng đắn nhất.

2. DI SẢN BIỂN ĐẢO VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Quan điểm ứng xử với di sản hiện đại gắn bảo tồn với phát huy giá trị của di sản. Phát huy giá trị di sản là cách thức phù hợp để đưa di sản tham gia vào đời sống, chủ động khai thác thích ứng với tiềm năng di sản và tìm kiếm các nguồn lực để đầu tư trở lại tồn tại di sản. Gaetano M. Golinelli [2] đã đưa ra quan niệm về di sản văn hóa và giá trị của di sản, trong đó văn hóa và du lịch được tích hợp hài hòa, là một phần thiết yếu của bối cảnh xã hội và kinh tế, là một biểu hiện bản sắc của cộng đồng. Phát huy giá trị di sản có mối quan hệ không thể tách rời với bảo tồn các giá trị của di sản ấy. Một trong những hình thức phát huy giá trị di sản khả thi và thuận lợi nhất là phát triển du lịch văn hóa gắn với di sản.

Du lịch Di sản văn hóa lần đầu tiên được ICOMOS định nghĩa tại hội nghị "Du lịch đương đại và chủ nghĩa nhân văn" [3] "... là hình thái du lịch mà một trong số các mục tiêu là khám phá địa điểm và công trình lịch sử". Các địa điểm và hoạt động được con người thể hiện và lưu truyền từ quá khứ đến hiện tại là tài nguyên văn hóa - lịch sử không thể thay thế và cần được sử dụng một cách tinh tế nhất. Du lịch di sản đa dạng về hình thức, nên việc bảo tồn và phát huy nguồn tài nguyên di sản là quá trình phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, trong đó du lịch như một phần của hoạt động văn hóa, và bảo tồn trở thành một động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Wu and Chang [4], tài nguyên du lịch biển đảo là tài nguyên du lịch có tính chất đặc thù gắn liền với khu vực biển đảo, tồn tại dưới hai dạng chính là: tài nguyên du lịch tự nhiên (địa hình, sinh thái biển, hệ thực vật và động vật, bãi biển, thủy triều, địa chất...) và tài nguyên du lịch nhân văn (các làng nghề nuôi trồng thủy hải sản, cư dân ngư nghiệp, đền chùa, các di tích lịch sử và văn hóa...), cả hai dạng tài nguyên này là cơ sở quan trọng cho việc phát triển du lịch biển đảo.

Từ các quan điểm trên, tài nguyên du lịch biển đảo bao gồm tổng thể tài nguyên tự nhiên thiên nhiên, cùng với các giá trị nhân văn gắn liền với khu vực biển đảo, tạo nên hệ giá trị cộng hưởng có sức hấp dẫn du khách.

Về phát triển du lịch bền vững, Butowski, L. [5] đã nghiên cứu các khái niệm về du lịch bền vững, phát triển bền vững thông qua du lịch, nguyên tắc bền vững phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững. Tác giả đã xây dựng mô hình lý thuyết về sự phát triển bền vững trong du lịch.

Huibin [6] đã đưa ra bốn mục tiêu chính được hướng tới phát triển du lịch bền vững gồm: 1/bảo tồn, kế thừa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, coi là nguồn lực phát triển du lịch; 2/các bên có liên quan cùng chính quyền địa phương hướng dẫn và thúc đẩy phát triển du lịch gồm các nhà đầu tư, các tổ chức phi chính phủ...; 3/phát triển thị trường mới và thâm nhập thị trường có tiềm năng; 4/xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, có sự tham gia của cộng đồng.

World Tourism Organization (WTO) trong Bộ chỉ số phát triển bền vững cho các điểm đến du lịch [7] đã phân tích vai trò và sự cần thiết của việc xây dựng và ứng dụng các chỉ số phát triển bền vững cho các điểm du lịch. Từ đó, WTO đề xuất 13 nhóm với 40 chỉ số về phát triển bền vững tại các điểm đến du lịch như các chỉ số về an sinh, duy trì và phát triển bền vững các bản sắc văn hóa, sự tham gia của cộng đồng, yếu tố an toàn và sức khỏe, khả năng nắm bắt lợi ích kinh tế từ du lịch, công tác giám sát sử dụng tài nguyên và quản lý năng lượng, hạn chế tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch, trình độ kiểm soát và quản lý, việc thiết kế sản phẩm và dịch vụ, tính bền vững của các hoạt động du lịch.

Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Lê Thảo [8] đề tài "Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên cho phát triển du lịch bền vững", các tác giả phân tích các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, ý nghĩa và yêu cầu của nguyên tắc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên trong phát triển du lịch. Báo cáo nhấn mạnh kế hoạch phát triển du lịch theo hướng phát triển bền vững cần có sự tính toán một cách phù hợp khi sử dụng các nguồn tài nguyên trước mắt với việc để dành lại một phần cho bảo tồn và tái tạo tài nguyên cho thế hệ mai sau, ngăn cản sự xói mòn, xuống cấp của tài nguyên môi trường.



Hình 1. Hệ giá trị di sản biển đảo Phú Yên

3. GIÁ TRỊ DI SẢN BIỂN ĐẢO CỦA PHÚ YÊN

Phú Yên có đường bờ biển dài 189km với bờ biển đẹp, có nhiều dạng tài nguyên du lịch tự nhiên như: vũng, vịnh, đầm, phá, bãi biển... đã tạo nên nhiều thắng cảnh tự nhiên đẹp, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Qua khảo sát và phân tích, di sản biển đảo Phú Yên hội tụ các giá trị quý giá sau:

- Giá trị Tự nhiên - Sinh thái: gồm cảnh quan tự nhiên biển và đảo (hòn/cù lao), các hệ san hô ngầm và hệ sinh thái gần bờ, tiêu biểu là bãi Môn, mũi Đại Lãnh, bãi Xếp, gành Ông, vịnh Xuân Đài, đầm Ô loan ...

- Giá trị Địa chất, địa mạo: các núi lửa cổ và kiến tạo địa chất liên quan đến hoạt động của núi lửa trước đây, tiêu biểu là ghềnh Đá Đĩa với đặc điểm địa chất nổi bật bởi sự hình thành và hoạt động của núi lửa hơn 100 triệu năm trước, đã được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt, cùng phát hiện về nhiều vỉa đá tương tự tại An Lĩnh, An Xuân (Tuy An), An Phú (Tuy Hòa) [9]... Về các tàn tích của núi lửa, có thể bắt gặp ở nhiều nơi như tại chân bãi Xếp.

- Giá trị Văn hóa - Lịch sử: lịch sử và truyền thống cư trú của cư dân ven biển, lịch sử gìn giữ biển đảo, các tập tục và lễ hội truyền thống đã hình thành và hun đúc nên nhiều di sản vật thể và phi vật thể. Tiêu biểu có Tháp Nhạn đã được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt. Bên cạnh đó, 184 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm đếm (trong đó có 4 di sản đã được công nhận cấp Quốc gia) gắn với không gian biển và vùng cư trú ven bờ có tiềm năng phát huy rất lớn trong phát triển du lịch, tiêu biểu có lễ hội Đầm Ô Loan, lễ hội Cầu Ngư, Nghệ thuật bài Chòi, lễ cúng

Trường thành của người Ê Đê, Nghệ thuật trình diễn Trống đôi-Cồng ba-Chiêng năm của người Ba Na...

- Giá trị Khảo cổ: các di tích khảo cổ văn hóa Chăm pa qua nhiều thời kỳ, liên quan đến nhiều nền văn hóa giao thương khác nhau, tiêu biểu ở Đồng Miếu với các di vật có từ thế kỷ IV.

- Giá trị Cảnh quan, Du lịch: nhiều danh thắng được công nhận cấp Quốc gia, có tiềm năng phát triển nhiều loại hình du lịch có giá trị kinh tế cao. Tiêu biểu có Bãi Môn-Mũi Đại Lãnh, đầm Ô Loan, vịnh Xuân Đài, hòn Yến...

- Giá trị Định cư truyền thống: các cộng đồng dân cư làng biển đã có truyền thống cư trú nhiều đời, được chứng minh có sự tiếp nối một số hoạt động sống, mưu sinh từ dân tộc Chăm sang dân tộc

Việt. Mô hình tổ chức làng xã và họ tộc khăng khít, bền chặt, kỷ cương độc đáo. Tiêu biểu có làng chài An Hải, làng chài Xuân Hải. Trần Văn Hiến [10] đã nhận định "lịch sử giao lưu văn hóa của cư dân vùng biển khá phong phú, các nền văn hóa giao thoa, tác động lẫn nhau. Sự đa dạng trong thành phần ngư dân các vùng miền dẫn đến sự phong phú về quan niệm thẩm mỹ, nghệ thuật, tổ chức không gian cảnh quan, kiến trúc... các làng biển".

Từ 6 giá trị đa dạng và nổi bật của di sản thiên nhiên và di sản văn hóa Phú Yên đã được thiết lập, nghiên cứu bước đầu lượng hóa giá trị của từng di sản/ nhóm di sản, từ đó xác định hướng phát huy hệ giá trị này trong phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của tỉnh Phú Yên và vùng lân cận.

Bảng 1: Lượng hóa giá trị di sản biển đảo Phú Yên (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

TT	Di tích / Di sản / Danh thắng	Loại hình					Đã xếp hạng (*)	Giá trị hiện có (**) (1đ cho mỗi giá trị)						Tổng điểm /6đ (***)
		Thiên nhiên	Văn hóa	Lịch sử	Cách mạng	Danh thắng		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I Nhóm bãi, vũng, vịnh biển														
I.1	Bãi Môn-Mũi Đại Lãnh	●				●	QG	■					■	2
I.2	Vũng Rô	●		●			QG	■		■			■	3
I.3	Vũng Chèo-Vịnh Xuân Đài	●						■					■	2
I.4	Ghềnh Đá Đĩa	●				●	QGĐB	■	■				■	3
I.5	Bãi Xếp-Gành Ông-Gành Bà	●						■	■				■	3
I.6	Bãi Từ Nham-vịnh Hòa	●						■				■	■	3
I.7	Bãi Gành Đỏ	●										■	■	2
II Nhóm đảo														
II.1	Hòn Nưa	●						■					■	2
II.2	Hòn Chùa	●						■					■	2
II.3	Nhất Tự Sơn	●						■					■	3
II.4	Hòn Yến	●				●	QG	■	■				■	3
II.5	Cù lao Mái nhà	●						■					■	3
II.6	Hòn Nần	●						■					■	2
II.7	Cù lao Ông Xá	●						■					■	2
III Nhóm đầm, phá														
III.1	Đầm Ô Loan	●				●	QG	■					■	3
III.2	Đầm Cù Mông	●						■					■	3
IV Nhóm di sản định cư làng biển có giá trị														
IV.1	Làng chài An Hải									■			■	3
IV.2	Làng chài Xuân Hải									■			■	3
IV.3	Làng Hòa Thạnh-Hòa Lợi									■			■	3
IV.4	Làng Từ Nham									■			■	3
IV.5	Làng Phước Đồng								■	■			■	4
IV.6	Làng Mỹ Quang									■			■	3
V Nhóm di tích quan trọng gần biển (có thể phối kết phát huy giá trị)														
V.1	Tháp Nhạn		●	●			QGĐB			■	■		■	3
V.2	Núi Đá bia	●		●		●	QG	■		■			■	3
V.3	Đồng Miếu		●	●						■	■		■	3

Chú thích:

(*) Xếp hạng: QGĐB: cấp Quốc gia đặc biệt; QG: cấp Quốc gia;

(**) 1/Giá trị Tự nhiên - Sinh thái; 2/Giá trị Địa chất, địa mạo; 3/Giá trị Văn hóa - Lịch sử; 4/Giá trị Khảo cổ; 5/Giá trị định cư truyền thống; 6/Giá trị Cảnh quan - Du lịch, mỗi giá trị có = 1đ;

(***) Tổng điểm tối đa một địa điểm (di tích/ di sản/ danh thắng) có thể đạt được là 6 điểm.

Võ Thị Ngọc Hiến [11] đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng khai thác du lịch Phú Yên gồm: 1/Độ hấp dẫn du lịch; 2/Thời gian hoạt động du lịch; 3/Khả năng tiếp cận; 4/Giá trị được xếp hạng. Mỗi tiêu chí gồm 4 mức độ đánh giá từ cao xuống thấp, từ đó, tác giả phân tích và xếp loại 3 di tích quan trọng: mũi Đại Lãnh, ghềnh Đá Đĩa, núi Đá Bia. Bộ tiêu chí được đề xuất có phần đơn giản, một số tiêu chí phụ chưa sát với thực trạng tài nguyên di sản biển đảo Phú Yên. Do đó, chúng tôi đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng khai thác di sản biển đảo Phú Yên trong phát triển du lịch đầy đủ hơn, như sau:

Bảng 2: Bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng khai thác di sản biển đảo Phú Yên trong phát triển du lịch (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

STT	Tiêu chí chính	Tiêu chí thành phần	Mức độ cần đạt được	Điểm
1	Mức độ hấp dẫn du lịch	1.1. Điểm du lịch có phong cảnh đẹp, độc đáo	Đẹp & duy nhất	3
			Đẹp, hiếm có, song không phải duy nhất	2
			Đẹp, song có nhiều điểm tương tự	1
		1.2. Số lượng các di tích/ di sản/ danh thắng đa dạng, phong phú tại 1 điểm đến	>3	3
			1 đến 3	2
			1	1
		1.3. Sự kết hợp các loại hình du lịch tại 1 điểm đến	>3	3
			1 đến 3	2
			1	1
		1.4. Giá trị được xếp hạng	Được xếp hạng quốc tế	5
			Cấp Quốc gia đặc biệt	3
			Cấp Quốc gia	2
			Cấp tỉnh	1
		1.5. Chất lượng môi trường & đa dạng sinh thái biển	Bảo tồn, gìn giữ tốt môi trường biển đảo, có hệ sinh thái tự nhiên đa dạng, phối kết thuận lợi giá trị hệ sinh thái ven bờ, gần bờ và đại dương	3
			Bảo tồn, gìn giữ tốt môi trường biển đảo, có hệ sinh thái tự nhiên đa dạng	2
Bảo tồn, gìn giữ tốt môi trường biển đảo	1			
2	Vị trí, khả năng tiếp cận	2.1. Tiếp cận thuận lợi bằng nhiều phương tiện giao thông	Sân bay, ga, cảng khách biển (trung chuyển đường bộ không quá 10km)	3
			Sân bay, ga, cảng khách biển (trung chuyển đường bộ không quá 30km)	2
			Đường bộ là phương thức tiếp cận chính	1
		2.2. Khoảng cách đến các đô thị dịch vụ/ hậu cần chính (Tuy Hòa - hệ số 1; Sông Cầu & Đông Hòa - hệ số 0,5)	15km (tương đương 15 phút di chuyển bằng phương tiện cơ giới)	3
			30km (tương đương 30 phút di chuyển bằng phương tiện cơ giới)	2
			60km (tương đương 60 phút di chuyển bằng phương tiện cơ giới)	1
		2.3. Khả năng phối kết với các điểm du lịch/ di tích/ di sản khác	Khác biệt về loại hình, tăng sức hấp dẫn của điểm đến	3
			Cùng loại hình nhưng có giá trị khác biệt	2
			Tương đồng về giá trị, tính chất	1
3	Thời gian và quy mô hoạt động du lịch	3.1. Thời gian khai thác tốt	Trên 200 ngày/ năm	3
			Từ 100 đến 200 ngày/ năm	2
			<100 ngày/ năm	1
		3.2. Khả năng chuyển đổi phương thức khai thác trong mùa thời tiết bất lợi	Chuyển đổi dễ dàng với chi phí thấp	2
			Đòi hỏi chi phí tái tổ chức khai thác cao	1
			Không thể chuyển đổi	0
		3.3. Sức chứa của điểm đến	Có thể tổ chức du lịch MICE >1000 khách cùng thời điểm	3
			Có thể đón 500 đến 1000 khách	2
			Chỉ đón <500 khách	1
4	Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch	4.1. Mức độ sẵn sàng tham gia của cộng đồng địa phương	Cộng đồng được trang bị kiến thức, chủ động sáng tạo các mô hình du lịch và khai thác hiệu quả tạo giá trị mới	3
			Cộng đồng được trang bị kiến thức, tham gia khai thác du lịch theo yêu cầu	2
			Cộng đồng được trang bị kiến thức, song chưa chủ động tham gia	1
		4.2. Các hoạt động văn hóa truyền thống hình thành di sản phi vật thể của cộng đồng địa phương	Các lễ hội truyền thống được công nhận Di sản phi vật thể cấp Quốc gia	3
			Các lễ hội truyền thống được công nhận Di sản phi vật thể cấp tỉnh	2
			Cộng đồng có hoạt động sống đặc thù, có sức hấp dẫn	1

(*) Tổng điểm tối đa một địa điểm (di tích/ di sản/ danh thắng) có thể đạt được là 40 điểm, ngưỡng thấp từ 0 đến 12 điểm.

Nghiên cứu tiến hành đánh giá theo bộ tiêu chí trên trong phát triển du lịch cho kết quả như sau:

Bảng 3: Kết quả đánh giá tiềm năng khai thác di sản biển đảo Phú Yên trong phát triển du lịch (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

TT	Di tích/ Di sản /Danh thắng Tiêu chí	Mức độ hấp dẫn du lịch (**)					Vị trí, khả năng tiếp cận			Thời gian và quy mô hoạt động du lịch			Sự tham gia của CĐ		Tổng điểm/40đ (*)	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2		
I Nhóm bãi, vũng, vịnh biển																
I.1	Bãi Môn-Mũi Đại Lãnh	3	2	3	2	2	2	1,5	3	2	1	3		2	26,5	
I.2	Vũng Rô	2	1	2	2	1	1	1,5	3	2	1	2		2	20,5	
I.3	Vũng Chèo-Vịnh Xuân Đài	2	1	2	2	1	1	1	1	2	1	2		2	18	
I.4	Ghềnh Đá Đĩa	3	1	2	3	2	2	1,5	2	3		1			20,5	
I.5	Bãi Xếp-Gành Ông-Gành Bà	2	2	2	1	3	2	2	2	3	2	3			24	
I.6	Bãi Từ Nham-vịnh Hòa	2	2	2		2	1	2	1	2	1	2		1	18	
I.7	Bãi Gành Đỏ	1	2	2		1	1	2	1	2	1	2		1	16	
II Nhóm đảo																
II.1	Hòn Nứa	1	1	2		2	1	1		2		1			11	
II.2	Hòn Chùa	1	1	2		2	2	2	2	2		1			15	
II.3	Nhất Tự Sơn	2	1	2	1	1	1	1,5	2	2		1	2	1	17,5	
II.4	Hòn Yến	3	1	2	2	3	1	1	1	1		1			16	
II.5	Cù lao Mái nhà	2	2	2	1	2	1	2	2	2		2			18	
II.6	Hòn Nần	1		1	1	1	1	1,5		2					9,5	
II.7	Cù lao Ông Xá	1	1	1		1	1	1,5	2						8,5	
III Nhóm đầm, phá																
III.1	Đầm Ô Loan	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	3	3	28	
III.2	Đầm Cù Mông	2	1	2		2	1	1,5	1	2	2	2	1	2	19,5	
IV Nhóm di sản định cư làng biển có giá trị																
IV.1	Làng chài An Hải	2	2	2	1	1	2	2	3	3	2	1	3	2	26	
IV.2	Làng chài Xuân Hải	2	2	2	1	1	1	1,5	2	3	2	1	2	2	22,5	
IV.3	Làng Hòa Thạnh-Hòa Lợi	2	2	2		1	1	1,5	2	3	2	1	1	2	20,5	
IV.4	Làng Từ Nham	1	1	2		1	1	1,5	2	3	2	1	1	2	18,5	
IV.5	Làng Phước Đồng	1	1	2			2	1,5	3	3	2	1	2	2	20,5	
IV.6	Làng Mỹ Quang	1	1	2			2	2	3	3	2	1	2	2	21	
V Nhóm di tích quan trọng gần biển (có thể phối kết phát huy giá trị)																
V.1	Tháp Nhạn	3	1	1	3		3	3	3	3		1		3	24	
V.2	Núi Đá bia	1	1	2	2		1	1,5	3	1		1			13,5	
V.3	Đồng Miếu		1	1	1		2	2		2		1			10	

(*) Tổng điểm tối đa một địa điểm (di tích/ di sản/ danh thắng) có thể đạt được là 40 điểm, ngưỡng thấp có thể nhận được là 0 đến 12 điểm.

(**) Tiêu chí 1.4: được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt (QGĐB) = 3đ; Quốc gia (QG) = 2đ; Cấp tỉnh (T) / hoặc chưa được xếp hạng nhưng có giá trị = 1đ

Tổng hợp kết quả từ bảng 1 và bảng 3 xác định tổng điểm đánh giá giá trị và tiềm năng di sản biển đảo Phú Yên trong phát triển du lịch như sau:

Bảng 4: Kết quả tổng hợp giá trị và tiềm năng khai thác di sản biển đảo Phú Yên trong phát triển du lịch (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

TT	Di tích/ Di sản/ Danh thắng	Điểm giá trị	Điểm tiềm năng	Tổng điểm (*)
I Nhóm bãi, vũng, vịnh biển				
I.1	Bãi Môn-Mũi Đại Lãnh	2	26,5	28,5
I.2	Vũng Rô	3	20,5	23,5
I.3	Vũng Chèo-Vịnh Xuân Đài	2	18	20
I.4	Ghềnh Đá Đĩa	3	20,5	23,5
I.5	Bãi Xếp-Gành Ông-Gành Bà	3	24	27
I.6	Bãi Từ Nham-vịnh Hòa	3	18	21
I.7	Bãi Gành Đỏ	2	16	18
II Nhóm đảo				
II.1	Hòn Nứa	2	11	13
II.2	Hòn Chùa	2	15	17
II.3	Nhất Tự Sơn	3	17,5	20,5
II.4	Hòn Yến	3	16	19
II.5	Cù lao Mái nhà	3	18	21
II.6	Hòn Nần	2	9,5	11,5
II.7	Cù lao Ông Xá	2	8,5	10,5
III Nhóm đầm, phá				
III.1	Đầm Ô Loan	3	28	31
III.2	Đầm Cù Mông	3	19,5	22,5
IV Nhóm di sản định cư làng biển có giá trị				
IV.1	Làng chài An Hải	3	26	29
IV.2	Làng chài Xuân Hải	3	22,5	25,5
IV.3	Làng Hòa Thạnh - Hòa Lợi	3	20,5	23,5
IV.4	Làng Từ Nham	3	18,5	21,5
IV.5	Làng Phước Đồng	4	20,5	24,5
IV.6	Làng Mỹ Quang	3	21	24
V Nhóm di tích quan trọng gần biển				
V.1	Tháp Nhạn	3	24	27
V.2	Núi Đá bia	3	13,5	16,5
V.3	Đồng Miếu	3	10	13

(*) Tổng điểm tối đa một địa điểm (di tích/ di sản/ danh thắng) có thể đạt được là 46 điểm.

(**) Các ô điểm tổng có màu xám là kết quả đạt từ 50% tổng điểm trở lên.

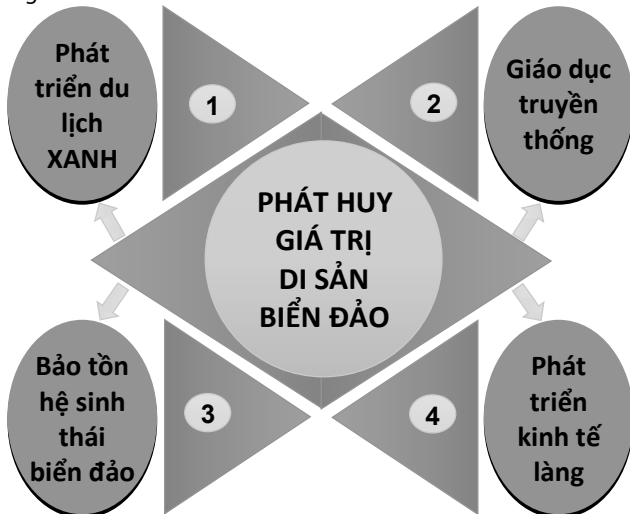
Nhận xét về kết quả:

- Các di tích/ di sản/ danh thắng quan trọng của tỉnh đều đạt điểm trên 50% (từ 23 điểm trở lên).
- Các điểm di sản biển thuộc nhóm I (bãi, vũng, vịnh) và III (đầm) có tổng điểm cao hơn nhóm II (các đảo) do tích hợp nhiều giá trị hơn. Đồng thời, các điểm này ưu thế hơn về khả năng tiếp cận giao thông, từ đó thuận lợi hơn trong phối kết các điểm du lịch với nhau. Tại một số điểm, có thể tổ chức kết nối/ gắn kết mô hình Đô thị hậu cần/ dịch vụ/ làng biển ⇔ Bãi/ vũng /vịnh / đầm ⇔ Đảo gần bờ để tạo thêm giá trị cộng hưởng cho các điểm đến.
- Các điểm gắn với di sản định cư truyền thống (nhóm IV) như các làng biển, là nơi lưu giữ văn hóa, tập quán, các giá trị di sản phi vật thể được tích hợp với di sản vật thể qua nhiều đời, đã cho kết quả điểm số cao, thể hiện sức hấp dẫn - tuy còn tiềm ẩn. Các nhà chuyên môn, nhà quản lý cần nhìn nhận, đánh giá đúng những giá trị này, để có hướng khai thác bền vững, lâu dài, thay vì tập trung khai thác dải bờ biển cho loại hình du lịch nghỉ dưỡng vốn chiếm dụng nhiều tài nguyên của cộng đồng.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN BIỂN ĐẢO PHÚ YÊN

4.1. Bảo tồn di sản biển đảo = bảo tồn tài nguyên du lịch

- Bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa, coi di sản là tài nguyên quan trọng trong phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái bền vững.
- Bảo tồn và tái tạo hệ sinh thái biển, gìn giữ môi trường biển và các dải bờ biển/ làng biển.
- Bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống gắn với mô hình cư trú lâu đời và quan hệ dòng tộc tại các làng biển, hướng tới phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.
- Phát triển và tăng trưởng gắn với duy trì bền vững các giá trị văn hóa tinh thần, đảm bảo hướng tới các chỉ số tăng trưởng bền vững.



Hình 2. Phát huy giá trị di sản biển đảo Phú Yên (nguồn : Nguyễn Quốc Tuấn)

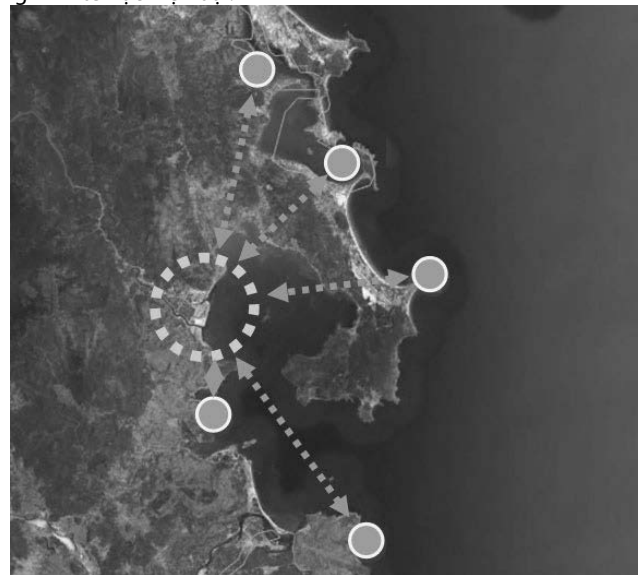
4.2. Định hướng phát huy giá trị biển đảo

Phú Yên hiện có 77 di tích được xếp hạng, trong đó có 1 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 21 di tích cấp Quốc gia và 55 di tích cấp tỉnh. Nguồn tài nguyên di sản vô giá này cần được nghiên cứu, đánh giá đúng tiềm năng, xây dựng chiến lược kết nối/ phối kết để di sản tham gia mạnh mẽ vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng Nam Trung Bộ. Đặc biệt, cần phát huy giá trị di sản trong phát triển du lịch bền vững gắn với đặc trưng địa lý - sinh thái của Phú Yên là du lịch biển. Nghiên cứu đề xuất 4 hướng phát huy sau:

- Phát huy trong phát triển du lịch - dịch vụ xanh: phát triển các loại hình du lịch gắn với hệ giá trị di sản biển đảo, gắn với đô thị dịch vụ hậu cần Tuy Hòa, Sông Cầu, kết nối vùng/tuyến với TP Quy Nhơn ở phía Bắc và TP Nha Trang ở phía Nam.
- Phát huy trong bảo tồn, gìn giữ hệ giá trị tự nhiên và sinh thái biển: phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giá trị lịch sử, giá trị địa chất địa mạo, giá trị sinh thái, giá trị cảnh quan... theo hướng bền vững.
- Phát huy trong giáo dục truyền thống: nơi lưu giữ minh chứng lịch sử về văn hóa, lối sống của người Việt, góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng.
- Phát huy trong xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế làng biển mới, gắn với truyền thống cư trú/ di sản định cư và phát triển kinh tế du lịch: tiếp tục nghiên cứu, hỗ trợ và xây dựng các mô hình cư trú bền vững cho cộng đồng địa phương.

4.3. Định hướng phát triển du lịch bền vững

- Tài nguyên du lịch biển đảo Phú Yên hiện nay mới được khai thác, đầu tư nhiều tại TP Tuy Hòa do có những lợi thế nhất định về giao thông, hậu cần, dịch vụ, song, khu vực thị xã Sông Cầu có tiềm năng lớn hơn trong phát triển du lịch biển đảo, do có hệ thống Bãi /Vịnh / Hòn giàu tiềm năng, hầu hết còn hoang sơ. Các điểm có tiềm năng du lịch tại đây đạt điểm số tương đối cao. Nếu được tổ chức tốt, khơi mạch khơi thông, nối dòng tiềm năng này với chiến lược phát triển đúng đắn, vùng du lịch Tuy An ⇔ Sông Cầu sẽ trở thành vùng du lịch lớn không chỉ của Phú Yên mà còn của Nam Trung Bộ, đủ sức cạnh tranh với các vùng du lịch đã và đang phát triển mạnh mẽ ở các tỉnh lân cận. Một cực phát triển (một đô thị, một khu kinh tế ven biển hay trên đảo...) có tính độc lập, nhưng không cô lập, hay còn gọi là "tính độc lập tương đối". Đó là nguyên tắc liên kết để tạo động lực cho phát triển dài hạn dựa trên cách tiếp cận hệ sinh thái trong kinh tế học hiện đại.



Hình 3. Tuy An ⇔ Sông Cầu trở thành vùng du lịch lớn (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

- Phú Yên có đường bờ biển dài, có sự tương hợp địa chất đặc trưng giữa lục địa và Biển Đông của dải bờ biển Nam Trung Bộ. Cần tận dụng lợi thế sinh thái - cảnh quan độc đáo này để phát triển chuỗi tuyến - điểm đô thị du lịch từ Đông Hòa ⇔ Tuy Hòa ⇔ Tuy An ⇔ Sông Cầu. Trục chính Bắc - Nam này kết hợp với nhiều trục du lịch, dịch vụ Đông - Tây nối từ bờ ra đảo sẽ được hình thành theo khả năng, tiến độ đầu tư, dần hoàn thiện mô hình du lịch biển đảo, mà trong đó dải bờ biển và các đảo ven bờ, cùng các điểm di tích/ di sản gần bờ, sẽ là những thực thể không tách rời, cùng góp phần

tạo nên sức thu hút tổng hợp của điểm đến. Các đảo ven bờ cần được nhìn nhận như những viên ngọc tô điểm rực rỡ hơn cho chuỗi đô thị ven biển Phú Yên sẽ hình thành trong tương lai (hình 4).



Hình 4. Hình thành chuỗi tuyến - điểm đô thị du lịch Đông Hòa ↔ Tuy Hòa ↔ Tuy An ↔ Sông Cầu (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

- Tổ chức khai thác du lịch biển đảo theo mô hình tam giác: Đảo (hòn / cù lao) ↔ Bãi biển sạch ↔ Điểm tham quan núi/ điểm di tích / làng biển. Cần hoàn thiện những điểm đến cung cấp nhiều loại hình du lịch, tăng trải nghiệm cho du khách, kéo dài thời gian lưu trú, từ đó tăng giá trị và nguồn thu cho du lịch địa phương. Phát huy vai trò của các làng biển trong phát triển du lịch cộng đồng, đẩy mạnh đào tạo, tập huấn kỹ năng cung cấp dịch vụ du lịch có chất lượng cho cộng đồng địa phương. Thông qua phát triển du lịch, mang lại nguồn lợi thực chất và tại chỗ cho cộng đồng, sẽ góp phần hình thành ý thức bảo tồn, gìn giữ, khai thác hợp lý và bền vững di sản thiên nhiên và văn hóa tại địa phương (hình 5).



Hình 5. Mô hình tam giác phát triển du lịch biển đảo (nguồn: Nguyễn Quốc Tuấn)

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch: nghiên cứu đề xuất 05 loại hình du lịch chính gắn với khai thác di sản biển đảo Phú Yên, gồm:
 - Du lịch biển đảo: tour lặn, tour sinh thái (đi thuyền, lặn ngắm san hô, tắm biển ...)
 - Du lịch văn hóa - di sản: tour di tích chùa Việt, tháp Chăm, nhà thờ Mằng Lăng, tour lễ hội, tour homestay, tour nông nghiệp, tour ngư nghiệp, tour ẩm thực (đi chợ, dạy nấu ăn)...

- Du lịch tìm hiểu kiến tạo địa chất: tour núi lửa (ven biển, ghềnh Đá Đĩa, các kiến tạo ở Tuy An...).
- Du lịch nghỉ dưỡng - chữa bệnh: tour tắm khoáng núi lửa.
- Du lịch xanh: tour xe đạp quanh làng biển, tour trồng cây, tour dọn rác bãi biển, trên núi...

Ngoài ra còn có thể tổ chức: Du lịch tâm linh, du lịch hoài niệm chiến tranh... tại các địa điểm chứng tích chiến tranh, các chiến khu xưa ở các huyện lân cận.

5. KẾT LUẬN

Phát triển du lịch văn hóa bền vững là hướng đi phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển song vẫn bảo toàn được các giá trị văn hóa - lịch sử - môi trường sinh thái và tính bền vững trong các mô hình định cư truyền thống. Phú Yên có dải bờ biển đẹp, có các đô thị tương lai gắn với không gian biển, phát triển hài hòa với cảnh quan các đầm vịnh, và các làng biển - những di sản định cư - chính là dựng nên những cấu trúc tạo thế phát triển cân bằng cho các mục tiêu phát triển tương lai. Trước nhiều thách thức và áp lực từ quá trình phát triển “nóng” sắp diễn ra, các nhà quản lý cần lựa chọn được một mô hình phát triển phù hợp và đúng đắn nhất.

Cần công nhận và sử dụng khôn khéo các giá trị của cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái biển, đảo đầy ưu đãi mà chúng ta được hưởng. Đây là nguồn “vốn phát triển” dài hạn cho tương lai của người Việt. Việc thiết kế và lựa chọn các mẫu hình phát triển, xây dựng đô thị xanh, thân thiện với tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp văn hóa bản địa, bảo tồn và gìn giữ di sản cha ông để lại, gìn giữ biển đảo, biết cách khai thác và phát huy bền vững để di sản biển đảo được lưu truyền muôn đời cho các thế hệ mai sau chính là trách nhiệm của mỗi chúng ta hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Savills (2016). Báo cáo tình hình thị trường nghỉ dưỡng Việt Nam nửa đầu năm 2016.
2. Gaetano M. Golinelli (2015). *Cultural Heritage and Value Creation: Towards New Pathways*. NXB Springer, 188 p.
3. ICOMOS (1976). *Charter of Cultural Tourism. International Seminar on Contemporary Tourism and Humanism*, Brussel, Bỉ.
4. Jyh-Jeng Wu, Yong-Sheng Chang (2005). *Towards understanding members' interactivity, trust, and flow in online travel community*. *Industrial Management & Data*, 105 (7), pp. 937-954.
5. Leszek Butowski (2012). *Sustainable Tourism - A Model Approach. Sách Visions for Global Tourism Industry*, NXB. IntechOpen.
6. Huibin, Marzuki A. and Razak A. Ab (2013), *Conceptualizing a Sustainable development model for cultural heritage tourism in Asia. Theoretical and empirical research in Urban management*, Volume 8, Issue 1.
7. World Tourism Organization (2004). *Indicators of sustainable development for tourism destinations: a guidebook*.
8. Nguyễn Minh Tuệ, Phạm Lê Thảo (2005). *Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên cho phát triển du lịch bền vững*. Hội thảo Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa.
9. Phạm Thu Hà (2021). *Vùng đất tiềm ẩn nhiều giá trị địa chất*. Báo Tài nguyên & Môi trường, 18/3/2020.
10. Trần Văn Hiến (2017). *Nghiên cứu mô hình tổ chức không gian làng ngư dân ven biển khu vực Nam Trung Bộ*. Luận án Tiến sĩ Quy hoạch Vùng và Đô thị. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, trang 12.
11. Võ Thị Ngọc Hiền (2020). *Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch tự nhiên ven biển Phú Yên và định hướng phát triển du lịch*. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 15(6), 73-81.
12. Nguyễn Chu Hồi (2021). *Hệ sinh thái đô thị biển đa chiều với các cực phát triển kinh tế biển*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển hệ sinh thái đô thị biển đa chiều ở Việt Nam. Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 11/2021.